

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN**

Số: **64**/BC-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cát Tiên, ngày **09** tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình mua bán sữa tuần từ ngày 29/01 – 04/02/2024 giữa Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt và các hộ nhập bò sữa về nuôi đợt đầu tiên năm 2022 và các đợt năm 2023 trên địa bàn huyện Cát Tiên

Thực hiện Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 27/02/2023 của UBND huyện về triển khai thực hiện Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa trên địa bàn huyện Cát Tiên năm 2023.

UBND huyện báo cáo nhanh tình hình mua bán sữa từ ngày 29/01 – 04/02/2024 giữa Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt và các hộ nhập bò sữa về nuôi đợt đầu tiên năm 2022 và các đợt năm 2023 trên địa bàn huyện Cát Tiên, cụ thể như sau:

Tổng sản lượng sữa mua bán trong tuần: 25.124,5 kg. Trong đó, bò cho sữa đạt trung bình 25,44 lít/con/ngày cao hơn 5,44 lít/con/ngày so với mục tiêu là (20 lít/con/ngày). Trong đó có một số con cho sản lượng sữa rất cao (đạt 38 lít/con/ngày).

Với giá sữa trong tuần Công ty mua giao động từ 13.600 đồng/lít đến 15.900 đồng/lít (tùy thuộc vào chất lượng sữa như các chỉ tiêu: Béo, khô (không béo), TPC (cfu/ml), soma (TB/ml)).

Stt	Họ và tên hộ	Sản lượng sữa trong tuần (lít)	Tiền bán sữa trong tuần (đồng)	Ghi chú
I	Các hộ năm 2022	8.161,5	128.741.620	
01	Trần Huy Rìn	4.465,6	71.449.600	
02	Nguyễn Xuân Hải	1.887,3	29.625.500	
03	Huỳnh Thái Dương	897,3	13.807.150	
04	Trần Văn Phong	911,3	13.859.370	
II	Các hộ năm 2023	17.132,2	255.942.860	

01	Nguyễn Văn Chúc	4.060,6	64.969.600	
02	Nguyễn Đình Phong	1.168,8	16.897.730	
03	Lâm Thị Thuỷ	874,7	12.906.030	
04	Tạ Xuân Trường	991,2	14.228.905	
05	Nguyễn Thị Hậu	3.834,2	55.706.080	
06	Đỗ Thị Hà	1.290,0	18.131.230	
07	Phạm Xuân Thọ	826,9	12.271.285	
08	Lương Văn Tình	580,8	9.084.190	
09	Lê Thị Thuỷ	929,8	13.825.190	
10	Trần Thị Hương	955,0	14.095.775	
11	Nguyễn Thị Hoà	891,4	12.490.965	
12	Phạm Thị Hoan	728,8	11.335.880	
Tổng		25.124,5	384.684.480	

(Có bảng phụ lục số liệu chi tiết kèm theo)

Trên đây là Báo cáo nhanh về tình hình mua bán sữa tươi nguyên liệu từ ngày 29/01 – 04/02/2024 giữa Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt và các hộ dân nhập bò sữa về nuôi đợt đầu tiên năm 2022 và các đợt năm 2023 trên địa bàn huyện Cát Tiên. ~~Ước~~

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- BCĐ ĐA phát triển chăn nuôi bò sữa huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Văn

PHỤ LỤC:

(Kèm theo Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 09/02/2024 của UBND huyện Cát Tiên)

1. Các hộ nhập bò năm 2022

1.1. Hộ ông Trần Huy Rin – Tổ dân phố 1 – Thị trấn Phước Cát

CÔNG TY CP SỮA ĐÀ LẠT

THÔNG BÁO GIÁ SỮA

Trang: 1/1

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Trần Huy Rin**

Mã số: **0742**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	640.1	4.52	8.65	300,000	303,000	16,000	10,241,600
30/01/2024	643.3	4.29	8.77	300,000	303,000	16,000	10,292,800
31/01/2024	625.7	4.12	8.72	300,000	303,000	16,000	10,011,200
01/02/2024	648.5	4.13	8.90	300,000	303,000	16,000	10,376,000
02/02/2024	652.7	4.29	8.85	300,000	303,000	16,000	10,443,200
03/02/2024	635.3	4.34	8.80	300,000	303,000	16,000	10,164,800
04/02/2024	620.0	4.34	8.75	300,000	303,000	16,000	9,920,000

Tổng khối lượng thu mua: **4,465.6 Kg**

Tổng tiền sữa 71,449,600

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Thu tiền trả chậm mua 30 con bò (470.000đ/con/tuần)) 14,100,000

Trừ tiền Cầm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy) 51,006,000

Tiền thực nhận kỳ này 1,878,000

Thưởng trại bò kiểu mẫu (chỉ trả cuối năm) 4,465,600

1.2. Hộ ông Huỳnh Thái Dương (Vợ: Võ Thị Lan) – TDP 13 - Thị trấn Cát Tiên

CÔNG TY CP SỮA ĐÀ LẠT

THÔNG BÁO GIÁ SỮA

Trang: 1/1

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Võ Thị Lan**

Mã số: **0745**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	128.8	4.70	8.89	30,000	364,000	15,400	1,983,520
30/01/2024	137.7	4.85	9.08	30,000	364,000	15,500	2,134,350
31/01/2024	130.0	4.76	9.07	30,000	364,000	15,400	2,002,000
01/02/2024	130.9	4.74	9.11	30,000	364,000	15,400	2,015,860
02/02/2024	127.6	4.69	9.07	30,000	364,000	15,300	1,952,280
03/02/2024	122.8	4.66	9.06	30,000	364,000	15,300	1,878,840
04/02/2024	119.5	4.73	8.90	30,000	364,000	15,400	1,840,300

Tổng khối lượng thu mua: **897.3 Kg**

Tổng tiền sữa 13,807,150

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Thu tiền mua bò trả chậm 06 con (470.000đ/con/tuần)) 2,820,000

Trừ tiền Cầm (DLM-H18.23 (De Heus) - giao tại nhà máy) 459,800

Tiền thực nhận kỳ này 10,527,350

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 224,325

1.3. Hộ ông Nguyễn Xuân Hải – Thôn 1 – xã Quảng Ngãi

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Nguyễn Xuân Hải**Mã số: **0744**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	279.3	4.28	9.04	60,000	75,000	15,400	4,301,220
30/01/2024	272.6	4.44	9.11	60,000	75,000	15,600	4,252,560
31/01/2024	270.8	4.53	9.08	60,000	75,000	15,700	4,251,560
01/02/2024	268.4	4.61	9.06	60,000	75,000	15,800	4,240,720
02/02/2024	265.7	4.58	9.02	60,000	75,000	15,700	4,171,490
03/02/2024	270.0	4.65	9.02	60,000	75,000	15,800	4,266,000
04/02/2024	260.5	4.70	9.00	60,000	75,000	15,900	4,141,950

Tổng khối lượng thu mua: **1,887.3 Kg****Tổng tiền sữa** **29,625,500**

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Thu tiền bò trả chậm: 15 con (470.000đ/con/tuần)) 7,050,000

Tiền thực nhận kỳ này **22,575,500**

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 471,825

1.4. Hộ ông Trần Văn Phong – Thôn 1 – xã Quảng Ngãi

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Trần Văn Phong**Mã số: **0743**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	122.5	4.61	8.66	350,000	140,000	15,100	1,849,750
30/01/2024	124.5	4.88	8.80	350,000	140,000	15,500	1,929,750
31/01/2024	122.0	4.72	8.74	350,000	140,000	15,400	1,878,800
01/02/2024	133.8	4.72	8.65	350,000	140,000	15,200	2,033,760
02/02/2024	132.7	4.63	8.70	350,000	140,000	15,300	2,030,310
03/02/2024	142.8	4.52	8.61	350,000	140,000	15,000	2,142,000
04/02/2024	133.0	4.59	8.65	350,000	140,000	15,000	1,995,000

Tổng khối lượng thu mua: **911.3 Kg****Tổng tiền sữa** **13,859,370**

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Thu trả chậm tiền mua 06 con bò (470.000đ/con/tuần)) 2,820,000

Trừ tiền Cầm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy) 6,639,100

Tiền thực nhận kỳ này **4,400,270**

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 227,825

2. Các hộ nhập bò sữa năm 2023

2.1. Hộ ông Nguyễn Văn Chức – TDP 9 – TT Phước Cát

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Nguyễn Văn Chức**

Mã số: **0755**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	601.9	3.81	8.55	60,000	219,000	16,000	9,630,400
30/01/2024	598.7	4.06	8.51	60,000	219,000	16,000	9,579,200
31/01/2024	567.5	3.96	8.51	60,000	219,000	16,000	9,080,000
01/02/2024	572.8	3.90	8.53	60,000	219,000	16,000	9,164,800
02/02/2024	571.2	3.83	8.54	60,000	219,000	16,000	9,139,200
03/02/2024	575.1	3.94	8.53	60,000	219,000	16,000	9,201,600
04/02/2024	573.4	3.80	8.47	60,000	219,000	16,000	9,174,400

Tổng khối lượng thu mua: **4,060.6 Kg**

Tổng tiền sữa 64,969,600

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Tiền bò trả chậm 20 con/470.000đ/con/tuần)

9,400,000

Trừ tiền Cám (DLM-H18.23 (De Heus) - giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy)

9,322,500

Tiền thực nhận kỳ này 42,186,500

Thưởng trại bò kiểu mẫu (chỉ trả cuối năm) 4,060,600

2.2. Hộ ông Nguyễn Đình Phong – Thôn 2 – xã Đức Phổ

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Nguyễn Đình Phong**

Mã số: **0756**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	172.0	3.97	8.52	100,000	251,000	14,450	2,485,400
30/01/2024	169.5	3.97	8.57	100,000	251,000	14,450	2,449,275
31/01/2024	164.4	3.93	8.56	100,000	251,000	14,450	2,375,580
01/02/2024	166.8	3.97	8.63	100,000	251,000	14,700	2,451,960
02/02/2024	164.8	3.94	8.54	100,000	251,000	14,450	2,381,360
03/02/2024	164.7	3.89	8.59	100,000	251,000	14,350	2,363,445
04/02/2024	166.6	3.88	8.50	100,000	251,000	14,350	2,390,710

Tổng khối lượng thu mua: **1,168.8 Kg**

Tổng tiền sữa 16,897,730

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Tiền bò trả chậm: 6 con/470.000đ/con/tuần)

2,820,000

Trừ tiền Cám (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy)

6,023,700

Tiền thực nhận kỳ này 8,054,030

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 292,200

2.3. Hộ bà Lâm Thị Thuỷ – Thôn Văn minh – xã Gia Viễn

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Lâm Thị Thủy**

Mã số: **0757**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	134.4	4.00	8.62	100,000	299,000	14,800	1,989,120
30/01/2024	134.0	4.32	8.71	100,000	299,000	15,300	2,050,200
31/01/2024	124.2	4.30	8.63	100,000	299,000	15,100	1,875,420
01/02/2024	124.3	4.16	8.59	100,000	299,000	14,650	1,820,995
02/02/2024	115.3	4.26	8.52	100,000	299,000	14,750	1,700,675
03/02/2024	114.8	4.10	8.52	100,000	299,000	14,650	1,681,820
04/02/2024	127.7	4.03	8.37	100,000	299,000	14,000	1,787,800

Tổng khối lượng thu mua: **874.7 Kg**

Tổng tiền sữa **12,906,030**

Khấu trừ tiền bù trả chậm (Tiền bù trả chậm: 5 con/470.000đ/con/tuần) 2,350,000

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy) 3,562,100

Tiền thực nhận kỳ này **6,993,930**

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 218,675

2.4. Hộ ông Tạ Xuân Trường – Thôn Hoà Thịnh – xã Gia Viễn

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Tạ Xuân Trường**

Mã số: **0758**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	145.6	3.80	8.57	140,000	70,000	14,350	2,089,360
30/01/2024	142.3	3.92	8.64	140,000	70,000	14,700	2,091,810
31/01/2024	144.4	4.01	8.54	140,000	70,000	14,550	2,101,020
01/02/2024	147.7	4.20	8.49	140,000	70,000	14,500	2,141,650
02/02/2024	136.3	3.91	8.36	140,000	70,000	13,900	1,894,570
03/02/2024	136.6	3.99	8.40	140,000	70,000	14,200	1,939,720
04/02/2024	138.3	3.73	8.51	140,000	70,000	14,250	1,970,775

Tổng khối lượng thu mua: **991.2 Kg**

Tổng tiền sữa **14,228,905**

Khấu trừ tiền bù trả chậm (Tiền bù trả chậm theo HD 97/2023/HĐKT/DLM-CT ngày 12/08/2023) 2,631,827

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-H18.23 (De Heus) - giao tại nhà máy) 3,837,500

Tiền thực nhận kỳ này **7,759,578**

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 247,800

2.5. Hộ bà Nguyễn Thị Hậu – Thôn Ninh Hậu – xã Nam Ninh

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Nguyễn Thị Hậu**

Mã số: **0760**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	549.6	4.18	8.67	350,000	136,000	14,600	8,024,160
30/01/2024	550.4	4.12	8.65	350,000	136,000	14,600	8,035,840
31/01/2024	548.3	4.04	8.54	350,000	136,000	14,250	7,813,275
01/02/2024	547.9	4.07	8.61	350,000	136,000	14,500	7,944,550
02/02/2024	532.7	4.16	8.64	350,000	136,000	14,600	7,777,420
03/02/2024	557.0	4.27	8.61	350,000	136,000	14,700	8,187,900
04/02/2024	548.3	4.22	8.56	350,000	136,000	14,450	7,922,935

Tổng khối lượng thu mua: **3,834.2 Kg**

Tổng tiền sữa 55,706,080

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Tiền bò trả chậm theo HĐ số 93/2023/HĐKT/DLM-CT ngày 12/08/2023)

10,527,308

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy)

23,964,500

Tiền thực nhận kỳ này 21,214,272

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm)

958,550

2.6. Hộ bà Đỗ Thị Hà – Thôn Tiến Thắng – xã Gia Viễn

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Đỗ Thị Hà**

Mã số: **0762**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	188.7	4.11	8.40	30,000	91,000	14,600	2,755,020
30/01/2024	181.5	4.18	8.44	30,000	91,000	14,600	2,649,900
31/01/2024	186.9	4.21	8.26	30,000	91,000	14,200	2,653,980
01/02/2024	181.1	4.12	8.24	30,000	91,000	14,100	2,553,510
02/02/2024	180.3	4.22	8.18	30,000	91,000	13,700	2,470,110
03/02/2024	179.6	3.98	8.25	30,000	91,000	13,900	2,496,440
04/02/2024	191.9	3.80	8.19	30,000	91,000	13,300	2,552,270

Tổng khối lượng thu mua: **1,290.0 Kg**

Tổng tiền sữa 18,131,230

Trừ tiền hòa chất teat x (Hoà chất teat x những vụ giao 29/01/24-30/01/24)

5,790,000

Khấu trừ tiền bò trả chậm (Tiền bò trả chậm theo HĐ số 90/2023/HĐKT/DLM-CT ngày 12/08/2023)

4,210,923

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy)

11,982,250

Tiền thực nhận kỳ này (3,851,943)

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm)

322,500

2.7. Hộ ông Phạm Xuân Thọ – Thôn 4 – xã Tiên Hoàng

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Phạm Xuân Thọ**Mã số: **0764**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	118.7	4.38	8.61	30,000	247,000	15,100	1,792,370
30/01/2024	116.0	4.34	8.56	30,000	247,000	14,850	1,722,600
31/01/2024	114.1	4.58	8.56	30,000	247,000	15,050	1,717,205
01/02/2024	120.8	4.56	8.45	30,000	247,000	14,800	1,787,840
02/02/2024	118.1	4.49	8.46	30,000	247,000	14,700	1,736,070
03/02/2024	117.0	4.61	8.48	30,000	247,000	14,900	1,743,300
04/02/2024	122.2	4.56	8.39	30,000	247,000	14,500	1,771,900

Tổng khối lượng thu mua: **826.9 Kg****Tổng tiền sữa 12,271,285**

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy) 3,077,000

Tiền thực nhận kỳ này 9,194,285

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 206,725

2.8. Hộ ông Lương Văn Tinh – Thôn 4 – xã Đức Phổ

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Lương Văn Tinh**Mã số: **0765**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	80.9	4.64	8.93	30,000	18,000	15,800	1,278,220
30/01/2024	81.0	4.63	8.80	30,000	18,000	15,800	1,279,800
31/01/2024	82.8	4.60	8.74	30,000	18,000	15,800	1,308,240
01/02/2024	84.3	4.63	8.71	30,000	18,000	15,800	1,331,940
02/02/2024	84.6	4.44	8.66	30,000	18,000	15,400	1,302,840
03/02/2024	83.9	4.19	8.80	30,000	18,000	15,300	1,283,670
04/02/2024	83.3	4.45	8.73	30,000	18,000	15,600	1,299,480

Tổng khối lượng thu mua: **580.8 Kg****Tổng tiền sữa 9,084,190**

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy) 7,692,500

Tiền thực nhận kỳ này 1,391,690

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 145,200

2.9. Hộ bà Lê Thị Thuỷ – Thôn 2 – xã Tiên Hoàng

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Lê Thị Thủy**

Mã số: **0766**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	141.6	3.88	8.78	30,000	314,000	14,800	2,095,680
30/01/2024	133.7	4.18	8.79	30,000	314,000	15,100	2,018,870
31/01/2024	134.7	4.18	8.76	30,000	314,000	15,100	2,033,970
01/02/2024	125.9	4.24	8.70	30,000	314,000	15,200	1,913,680
02/02/2024	128.6	4.17	8.67	30,000	314,000	14,900	1,916,140
03/02/2024	135.6	3.77	8.60	30,000	314,000	14,500	1,966,200
04/02/2024	129.7	3.75	8.68	30,000	314,000	14,500	1,880,650

Tổng khối lượng thu mua: **929.8 Kg**

Tổng tiền sữa 13,825,190

Trừ tiền Cấm (DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy) 242,550

Tiền thực nhận kỳ này 13,582,640

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 232,450

2.10. Hộ bà **Trần Thị Hương** – **Thôn Mỹ Bắc – xã Nam Ninh**

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: **Trần Thị Hương**

Mã số: **0767**

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	138.9	3.61	8.66	100,000	28,000	14,600	2,027,940
30/01/2024	136.8	3.85	8.62	100,000	28,000	14,800	2,024,640
31/01/2024	136.5	3.77	8.67	100,000	28,000	14,700	2,006,550
01/02/2024	138.9	3.94	8.73	100,000	28,000	15,100	2,097,390
02/02/2024	130.3	3.82	8.59	100,000	28,000	14,550	1,895,865
03/02/2024	133.0	3.98	8.53	100,000	28,000	14,650	1,948,450
04/02/2024	140.6	3.94	8.60	100,000	28,000	14,900	2,094,940

Tổng khối lượng thu mua: **955.0 Kg**

Tổng tiền sữa 14,095,775

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy) 3,077,000

Tiền thực nhận kỳ này 11,018,775

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 238,750

2.11. Hộ bà **Nguyễn Thị Hoà** – **Thôn 2 – xã Tiên Hoàng**

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: Nguyễn Thị Hòa

Mã số: 0768

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	121.9	4.13	8.72	30,000	700,000	14,300	1,743,170
30/01/2024	129.4	4.20	8.63	30,000	700,000	14,200	1,837,480
31/01/2024	129.1	4.24	8.61	30,000	700,000	14,200	1,833,220
01/02/2024	127.4	3.62	8.63	30,000	700,000	13,600	1,732,640
02/02/2024	126.6	4.34	8.57	30,000	700,000	14,050	1,778,730
03/02/2024	127.9	4.06	8.66	30,000	700,000	14,000	1,790,600
04/02/2024	129.1	4.02	8.54	30,000	700,000	13,750	1,775,125

Tổng khối lượng thu mua: 891.4 Kg

Tổng tiền sữa 12,490,965

Trừ tiền Cấm (DLM-M (De heus)-giao tại nhà máy; DLM-N2.5 (De heus) - giao tại nhà máy)

6,396,550

Tiền thực nhận kỳ này 6,094,415

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 222.850

2.12. Hộ bà Phạm Thị Hoan – Thôn 2 – xã Tiên Hoàng

Từ ngày 29/01/2024 đến ngày 04/02/2024

Kính gửi Ông/Bà: Phạm Thị Hoan

Mã số: 0769

Trạm thu mua: 109 - Cát Tiên

Ngày	Khối lượng (kg)	Chất lượng				Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Béo	Khô không béo	TPC (cfu/ml)	Soma (TB/ml)		
29/01/2024	103.3	4.41	8.88	30,000	140,000	15,600	1,611,480
30/01/2024	100.6	4.50	8.81	30,000	140,000	15,700	1,579,420
31/01/2024	105.4	4.42	8.84	30,000	140,000	15,600	1,644,240
01/02/2024	109.7	4.26	8.89	30,000	140,000	15,400	1,689,380
02/02/2024	102.7	4.85	8.81	30,000	140,000	16,000	1,643,200
03/02/2024	100.6	4.40	8.75	30,000	140,000	15,600	1,569,360
04/02/2024	106.5	4.04	8.73	30,000	140,000	15,200	1,618,800

Tổng khối lượng thu mua: 728.8 Kg

Tổng tiền sữa 11,355,880

Tiền thực nhận kỳ này 11,355,880

Thưởng sản lượng (chỉ trả cuối năm) 182,200